

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
18.5	Đường đường Đại lộ Võ Nguyên giáp đến nhà bà Hà Thị Nương phố Đông Quang	6.000
18.6	Từ đường An Dương Vương đến nhà ông Trần Văn Thiện phố Đông Văn	6.000
18.7	Từ Đường Đông Định Đức qua MBQH 2777 đến nhà ông Hiền phố Đông Đức	6.000
C	Khu dân cư phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hoá cũ	
1	Đất ở liền kề tiếp giáp đường CSEDP	36.031
2	Đất ở liền kề tiếp giáp đường Phạm Ngũ Lão	25.704
3	Đất ở liền kề tiếp giáp đường quy hoạch có lòng đường rộng 5,5m	23.885
	3. PHƯỜNG ĐÔNG QUANG	
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH	
1	Quốc lộ 45 (tuyến từ Nhồi đi Nông Cống)	
1.1	Từ hộ bà Tien đến cầu Đồng Sâm (thuộc xã Đông Vinh)	6.000
1.2	Từ giáp phường An Hoạch (nay là phường An Hưng) đến giáp Đông Vinh	5.000
1.3	Từ ngã tư lệch hộ ông Lê Đình Công đến kênh B20	5.000
1.4	Từ ngã ba Nhồi đến ngã tư lệch hộ bà Lê Thị Quyết	9.600
2	Đường Quốc lộ 47 (tuyến từ ngã tư Phú Thọ qua ngã ba Nhồi và xã Đông Tân)	
2.1	Từ Cầu Cao đến cây xăng Minh Hương	25.322
2.2	Từ cây xăng Minh Hương đến ngã ba Nhồi	24.240
3	Đường phát triển toàn diện, KT-XH (CSEDP)	
3.1	Từ Sông nhà Lê đến Trung tâm đăng kiểm (Quảng Thắng cũ)	27.000
3.2	Từ Trung tâm đăng kiểm đến Đỗ Đại (Quảng Thắng cũ)	16.000
3.3	Từ Đỗ Đại đến Nhà tang lễ tỉnh (Quảng Thắng cũ)	20.000
4	Đường tỉnh lộ Gồm - cầu Trâu	
4.1	Đường tỉnh lộ 517 đoạn qua xã Đông Yên	7.500
B	GIÁ ĐẤT CÁC PHƯỜNG XÃ CŨ:	
B.1	PHƯỜNG QUẢNG THẮNG CŨ	
1	Đường Hải Thượng Lãn Ông	
1.1	Từ ngõ 262 đến ngõ 442	25.000
1.2	Từ ngõ 442 đến cầu Voi	18.000
1.3	Từ cây xăng Yên Anh đến Số nhà 90 Hải Thượng Lãn Ông	25.000
2	Đường Vệ Đà: Ngã ba nhà ông Chi đến Cây đa Bến nước	10.000
3	Đường Nguyễn Phục	
3.1	Từ nhà ông Quế (Chính) đến Ngõ 86 Nguyễn Phục	16.000
3.2	Từ ngõ 86 Nguyễn Phục đến ngã tư đường Vệ Yên	13.000
3.3	Từ ngã tư đường Vệ Yên đến Đường vành đai	17.000
3.4	Từ đường vành đai đến cầu Nấp	13.668
4	Đường Vệ Yên	
4.1	Từ Cây đa Bến nước đến Đường vành đai	11.000
4.2	Đường An Biên: Từ đường Trịnh Kiểm đến Cầu Đá	9.000
5	Đường Đỗ Đại	
5.1	Từ Nhà văn hóa phố Vệ Yên 1 đến đường Nguyễn Phục	10.000
5.2	Từ Nhà văn hóa Vệ Yên đến nhà thờ họ Đỗ	11.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
5.3	Từ nhà thờ họ Đỗ đến đường Hà Huy Tập	15.000
6	Đường Lê Hưng	
6.1	Từ đường Nguyễn Phục đến Đường vành đai	13.000
6.2	Từ đường vành đai đến hết	
6.2.1	Từ đường vành đai đến nhà văn hóa phố Yên Biên	11.000
6.2.2	Từ nhà Văn hóa phố Yên Biên đến ngõ 95 Lê Hưng	8.000
7	Đường Phù Lưu	
7.1	Từ nhà ông Hải phố Phù Lưu 2 đến nhà ông Hoa phố Phù Lưu 1	6.000
7.2	Từ ông Hoa đến bà Thuật và mặt đường MB tái định cư số 89; Ngõ 91 Phù Lưu	5.000
8	Ngõ thuộc đường vành đai đoạn từ Vệ Yên đến sông nhà Lê	7.000
9	Phố Yên Trường: Đường từ Hải Thượng Lãn Ông đến Công an phường Đông Quang	16.000
10	Đường Hà Huy Tập: Từ nhà ông Hồng đến ông Toàn	13.000
11	Đường nội bộ MB 76; 1929 và tuyến giáp Trường nghề	12.000
12	Mặt bằng 5226 đường nội bộ lòng đường rộng 7,5m	10.000
13	Mặt bằng 1484: Đường nội bộ còn lại	10.000
14	Mặt bằng 933; 889,2424: Tuyến giáp chợ	12.000
15	Mặt bằng 889, 2424: Tuyến còn lại	10.000
16	Mặt bằng quy hoạch 1858	
16.1	Đường nội bộ lòng đường rộng 7,5m	12.000
16.2	Đoạn từ Trường Chính trị đến Hải Thượng Lãn Ông	16.000
17	Mặt bằng quy hoạch 8018	
17.1	Đường nội bộ MBQH 8018 (lòng đường $\geq 9,0$ m)	14.000
17.2	Đường nội bộ còn lại của MBQH 8018 (lòng đường $\leq 7,5$ m)	11.000
18	Khu dân cư Trường Chính Trị Tỉnh (đường nội bộ)	10.000
19	Phố Yên Vệ 1	
19.1	Ngõ phố Vệ Yên 1:	5.000
19.2	Các ngách thuộc ngõ phố Vệ Yên 1	3.500
20	Phố Vệ Yên 2	
20.1	Ngõ phố Vệ Yên 2	5.000
20.2	Các ngách thuộc ngõ phố Vệ Yên 2	3.500
21	Phố Vệ Yên 3 và phố Vệ Yên 4	
21.1	Ngõ phố Vệ Yên 3 và phố Vệ Yên 4: Từ lối rẽ đường phố đến các đường xương cá	6.000
21.2	Các ngách thuộc ngõ phố Vệ Yên 3 và Vệ Yên 4	4.500
22	Phố Yên Biên:	
22.1	Ngõ phố Yên Biên: Từ lối rẽ đường phố đến các đường xương cá	4.000
22.2	Các ngách thuộc ngõ phố Yên Biên	3.000
23	Phố Phù Lưu 1 và phố Phù Lưu 2	
23.1	Ngõ phố Phù Lưu 1 và ngõ phố Phù Lưu 2: Từ lối rẽ đường phố đến các đường xương cá	4.000
23.2	Các ngách thuộc ngõ phố Phù Lưu 1, Phù lưu 2	2.500
24	Ngõ đường Phù Lưu: Khu vực làng nghề	3.000
25	Ngõ 185 Hải Thượng Lãn Ông: Từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Chính	10.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
26	Ngõ 378 Hải Thượng Lãn Ông: Từ Hải Thượng Lãn Ông đến công trại rau	10.000
27	Ngõ 488 Hải Thượng Lãn Ông: Từ khu dân cư y tế dự phòng đến nhà bà Cầu	9.000
28	Ngõ 298 Hải Thượng Lãn Ông: Từ Hải Thượng Lãn Ông đến nhà ông Tùng	12.000
29	Ngõ 318 Hải Thượng Lãn Ông	12.000
30	Các ngõ khác của đường Hải Thượng Lãn Ông	7.000
31	Đường Hà Huy Tập: Từ đường Lê Hưng đến đường Phù Lưu	12.000
32	Đường nội bộ MBQH 1409	10.000
33	Đường nội bộ MBQH 117 (Khu dân cư phía Tây đường CSEDP)	10.000
34	Ngõ 468 Hải thượng Lãn ông	8.000
35	Các ngách thuộc các ngõ phố Hải Thượng Lãn Ông	6.000
36	MBQH số 1788 (KDC Phù Lưu)	
36.1	Đường Nguyễn Phục	16.000
36.2	Đường nội bộ lòng đường 7,5m	11.500
37	MBQH số 977 (KDC phía Đông đường CSEDP): Đường nội bộ MB	12.000
38	MBQH số 3791:	
35.1	Mặt đường CSEDP	
35.1.1	Lô LK06-35:	16.483
35.1.2	Lô LK09-15:	16.250
35.1.2	Lô LK06-19, LK07-01; LK08-18; LK09-29	18.657
35.1.2	Các lô còn lại mặt đường CSEDP	16.961
35.2	Mặt đường Nguyễn Phục	
35.2.1	Lô LK03-01; LK04-06	13.284
35.2.2	Lô LK06-01	13.543
35.2.3	Các lô còn lại mặt đường Nguyễn Phục	13.668
35.3	Các lô đường nội bộ	
35.3.1	Đường nội bộ lòng đường rộng 10,25m - Khu LK01	13.260
35.3.2	Đường nội bộ lòng đường rộng 10,25m - Khu LK02; khu TĐC01 đến TĐC04	13.067
35.3.3	Lô LK06-18, LK08-17; LK 09-01	13.757
35.3.4	Đường nội bộ lòng đường rộng 10,25m - Khu LK07, LK08	13.829
35.3.5	Lô LK09-14	13.032
35.3.6	Đường nội bộ lòng đường rộng 7,5m - Khu LK06 đến LK09	12.506
35.3.7	Đường nội bộ còn lại lòng đường rộng 7,5m	12.353
36	Đường nội bộ Khu nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng (thuộc Khu vực di tích thắng cảnh Mặt Sơn)	12.353
B.2	PHƯỜNG AN HƯNG CŨ	
1	Đường liên phường từ ngã ba Nhồi đến đường rẽ đi đường Đồng Si (hộ ông Lê Thọ Độ);	8.000
2	Đường liên phường từ đường rẽ đi đường Đồng Si (hộ ông Kiếm Long) - Đến giáp xã Đông Hưng (nay là phường An Hưng)	7.000
3	Đường lô 2, lô 3 khu dân cư xóm Bắc MBQH 685	12.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
4	Đường lô 4, lô 5 MB khu dân cư Bắc Sơn 1; Bắc Sơn 2	
4.1	Đường nội bộ: lòng đường 7,5m	9.000
4.2	Đường nội bộ: lòng đường 10,5m	10.000
5	Đường ngõ phố của phố Cao Sơn	
5.1	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Tiến Lực đến nhà ông Hà Tấn Phong	9.000
5.2	Các ngõ, ngách của phố Cao Sơn không thuộc các vị trí trên	6.000
6	Đường phố Bắc Sơn: Đoạn từ chợ Cầu Đông - Đến Cầu Sắt; Đoạn phía sau cây xăng Minh Hương, Từ hộ ông Chương đến khu tập thể Công an	9.000
7	Đường ngõ phố còn lại của phố Bắc Sơn	
7.1	Ngõ từ nhà ông Mai Văn Hiến đến nhà ông Hoàng Công Sỹ	5.000
7.2	Ngõ giáp chợ Cầu Đông đến nhà ông Mai Văn Thái	5.000
7.3	Ngõ từ nhà ông Lê Đình Cung đến nhà bà Nguyễn Thị Quý	5.000
7.4	Ngõ giáp chợ Cầu Đông đến nhà ông Mai Văn Quyền	4.500
7.5	Ngõ vào nhà ông Lê Thiệu Tâm	4.500
7.6	Ngõ từ nhà ông Lê Văn Thế đến nhà ông Lê Xuân Độ	4.500
7.7	Ngõ từ nhà bà Lê Thị Triệu đến nhà ông Trịnh Xuân Chính	4.500
7.8	Các ngõ, ngách của phố Bắc Sơn không thuộc các vị trí trên	3.000
8	Đường phố Trung Sơn từ nhà Văn Hóa Trung tâm - Đến Cầu Gạch	8.000
9	Đường Đồng Si từ giáp đường xã (hộ ông Nghi) - Đến Quốc lộ 45 (hộ ông Quế)	3.000
10	Đường phố Tân Sơn từ Quốc lộ 45 (hộ ông Nguyễn Trung Sơn) - Đến cửa Âu (kênh Bắc); đoạn từ hộ ông Nguyễn Bá Vang - Đến hộ bà Lê Thị Hoà	4.000
11	Đường ngõ phố còn lại của phố Tân Sơn	
11.1	Ngõ từ nhà bà Đỗ Thị Hiền đến nhà ông Trần Mạnh Tâm	9.000
11.2	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Như Cách đến nhà ông Võ Hồng Sơn	5.000
11.3	Ngõ từ nhà ông Lưu Quang Hiệp đến nhà ông Lê Minh Sơn	5.000
11.4	Ngõ từ nhà bà Đặng Thị Hợp đến nhà ông Lê Thiệu Thanh	5.000
11.5	Các ngõ, ngách của phố Tân Sơn không thuộc các vị trí trên	3.000
12	Đường vào nghĩa địa từ Quốc lộ 45 - Núi Sạn;	4.000
13	Đường vào đồng Chún: Đoạn từ Quốc lộ 45 - đến kênh B20 (hộ ông Lê Minh Hải); đoạn từ Quốc lộ 45 - Đến Núi Nhồi	3.000
14	Đường phố Trung Sơn - Nam Sơn: Từ giáp đường liên xã (nhà ông Be) đến ngã ba sang chợ Cầu Đông (Hộ ông Lê Thiệu Hoa)	4.000
15	Đường ngõ phố còn lại của Tây Sơn; Đường ngõ phố Tây Sơn đoạn từ Hộ ông Nguyễn Đình Sơn - đến Hộ bà Trịnh Thị Dung; đường làng nghề giáp chân núi Nấp	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
15.1	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Trọng Long đến nhà ông Lê Văn Chương	3.500
15.2	Ngõ từ nhà ông Lê Đình Phẩm đến nhà ông Lê Đình Bình	3.500
15.3	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Thừa Yến đến nhà bà Nguyễn Thị Vang	3.500
15.4	Ngõ từ nhà ông Lê Đình Lâm đến nhà bà Lê Thị Phương	2.500
15.5	Các ngõ, ngách của phố Tây Sơn không thuộc các vị trí trên	2.500
15.6	Đường ngõ phố Tây Sơn đoạn từ hộ ông Nguyễn Đình Sơn - đến Hộ bà Trịnh Thị Dung; đường làng nghề giáp chân núi Nấp	3.500
16	Đường phố Quan Sơn: Đoạn từ Cầu Sắt đến hộ ông Mai Văn Hà	5.000
17	Đường phố Nam Sơn: Đoạn từ Cầu Lâm Sản đến khu đô thị mới Đông Sơn	3.000
18	Các ngõ phố còn lại của phố Quan Sơn	
18.1	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Văn Dũng đến các nhánh ngõ trong trường nghề	4.000
18.2	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Hữu Toàn đến nhà ông Phạm Đình Phú	4.000
18.3	Ngõ từ nhà ông Đào Hữu Dũng đến nhà ông Mai Văn Kiên	2.000
18.4	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Hữu Nam đến nhà ông Lê Anh Chiến	4.000
18.5	Các ngõ, ngách của phố Quan Sơn không thuộc các vị trí trên	2.500
19	Đường Buồng Quai dọc sông nhà Lê từ KTT Công an đến nhà ông Hát và từ khu 14 hộ phố Nam Sơn đến đường sắt	5.000
20	Đường Khu tái định cư đồng Bam - đồng Hà (xóm trại)	8.000
21	Đường phân lô khu tái định cư Bam Hà	6.000
22	Khu đô thị mới Đông Sơn	
22.1	Lô đất có mặt tiền quay ra trục đường đôi của khu đô thị: Trục từ giáp Quốc lộ 47 đến đường sắt; trục từ giáp cầu kênh Bắc đến sông Nhà Lê	16.000
22.2	Các lô đất còn lại của Khu đô thị mới Đông Sơn	12.000
23	Đường Quan Sơn: Từ Quốc lộ 47 (nhà bà Hương) đến hộ ông Huy	5.000
24	Các ngõ còn lại của phố Trung Sơn, Nam Sơn	
24.1	Ngõ từ nhà ông Phạm Đình Hoan đến nhà ông Lê Văn Điệp	3.000
24.2	Ngõ từ nhà bà Lê Thị Cẩn đến nhà ông Nguyễn Đình Long	3.000
24.3	Ngõ từ nhà ông Dương Đức Dinh đến nhà ông Hoàng Văn Minh	3.000
24.4	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Hoành Tân đến nhà ông Bùi Đăng Tiếp	3.000
24.5	Ngõ từ nhà ông Đào Khả Ngô đến nhà ông Nguyễn Thừa Tăng	3.000
24.6	Ngõ từ nhà ông Lê Văn Bằng đến nhà ông Nguyễn Đức Thuý	3.000
24.7	Ngõ từ nhà ông Lương Văn Tấn đến nhà ông Lê Bá Thai	3.000
24.8	Ngõ từ nhà ông Đỗ Văn Na đến nhà ông Lê Thiệu Bình	3.500

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
24.9	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Hữu Linh đến nhà bà Nguyễn Thị Thiện	3.500
24.10	Ngõ từ nhà ông Lê Văn Thanh đến nhà bà Nguyễn Thị Vân	3.500
24.11	Ngõ từ nhà ông Lê Trọng Đông đến nhà ông Nguyễn Hoàn Thà	3.500
24.12	Ngõ từ nhà ông Lê Xuân Hà đến nhà ông Nguyễn Văn Sơn	3.500
24.13	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Trọng Hội đến nhà bà Nguyễn Thị Tâm	2.000
24.14	Ngõ từ nhà ông Dương Hồng Kỳ đến nhà ông Lê Văn Lâm	2.000
24.15	Ngõ từ nhà ông Bùi Văn Phú đến nhà ông Lê Minh Giang	2.000
24.16	Ngõ từ nhà ông Nguyễn Văn Cử đến nhà bà Lê Thị Là	2.000
24.17	Ngõ từ nhà bà Nguyễn Thị Lý đến nhà ông Nguyễn Hoàn Dục	2.000
24.18	Ngõ từ nhà ông Hoàng Văn A đến nhà bà Lê Thị Thanh (dọc sông nhà Lê)	2.000
24.19	Ngõ từ nhà ông Hoàng Văn A đến nhà ông Lê Đình Nhung	2.000
24.20	Các ngõ, ngách của phố Trung Sơn, Nam Sơn không thuộc các vị trí trên	1.800
25	MBQH số 2776:	
25.1	Vị trí số 01:	
25.1.1	Đường QH lòng đường 20m	11.000
25.1.2	Đường nội bộ lòng đường 7,5m	7.500
25.1.3	Đường nội bộ lòng đường 5,5m	6.506
25.2	Vị trí số 02:	
25.2.1	Đường QH có lòng đường rộng 10,5m	10.000
25.2.2	Đường QH có lòng đường rộng 7,5m	7.000
25.3	Vị trí số 03:	
25.3.1	Đường QH có lòng đường rộng 7,5m	7.500
25.3.2	Đường QH có lòng đường rộng 5,5m	6.500
25.3.3	Đường nội bộ còn lại	5.000
25.4	Vị trí số 04:	
25.4.1	Đường QH có lòng đường rộng 34m (gồm cả dây phân cách giữa)	11.000
25.4.2	Đường nội bộ có lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên 5,0m	8.500
25.4.3	Đường nội bộ có lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên 3,0m	7.500
25.5	MBQH 11648 (Khu dân cư phố Nam Sơn):	
25.5.1	Khu TĐC01: Từ lô 01 đến 04	4.000
25.5.2	Khu TĐC02: Từ lô 01 đến 09	4.000
B.3	XÃ ĐÔNG HƯNG CŨ	
1	Đường liên xã: Từ giáp phường An Hoạch cũ (phường An Hưng cũ) đến Trường Mầm non	6.000
2	Đường liên xã: Từ Báu Hậu đến nhà Toàn Thống	6.000
3	Đường liên xã: Đoạn từ ông Chuyên Điều đến cầu Máng	3.000
4	Đường trục Khu dân cư phố Sơn Toàn: Từ nhà Thành Hồng đến nhà ông Lúa Khách. Từ nhà ông Luận Lấn đến nhà ông Văn Tâm	1.500
5	Các đường ngõ xóm của Khu dân cư phố Sơn Toàn	1.200

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
6	Đường phố Trần Hưng: Từ Trường Mầm non đến cầu Trắng	3.500
7	Ngõ phố Trần Hưng, đoạn từ nhà ông Nguyễn Đức Tính đến hộ bà Nguyễn Thị Xinh	2.000
8	Ngõ phố Trần Hưng, đoạn từ nhà ông Doãn Trọng Chung đến hộ bà Trần Thị Giồng	2.000
9	Ngõ phố Trần Hưng, đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Quen đến hộ ông Đinh Văn Dũng	2.000
10	Ngõ phố Quang, đoạn từ nhà ông Trương Văn Hiền đến giáp Công ty Trường Đạt	2.000
11	Các đường ngõ xóm của phố Quang, Trần Hưng	
11.1	Ngõ từ nhà bà Nguyễn Thị Ngợi đến nhà ông Doãn Trọng Tiến	2.000
11.2	Ngõ từ nhà bà Nguyễn Thị Lợi đến nhà ông Ngô Sỹ Yến	1.500
11.3	Ngõ từ nhà ông Vương Huy Cận đến nhà ông Vũ Trọng Hưng; hộ bà Lê Ngọc Thủy (núi Ngăng)	1.500
11.4	Ngõ từ nhà ông Trịnh Văn Thanh đến nhà bà Trịnh Thị Huệ	1.500
11.5	Các ngõ còn lại phố Quang, Thắng Sơn, Trần Hưng	1.800
11.6	Các ngách còn lại của phố Quang, Thắng Sơn, Trần Hưng không thuộc các vị trí trên	1.500
12	Các đường ngõ xóm của Tổ dân phố Nam Hưng	1.200
13	Khu dân cư xóm trại	1.000
14	Khu dân cư cầu Âu	1.800
15	Khu dân cư Đồng Nhòn:	
15.1	Lô 2, 3	6.000
15.2	Lô 4	5.000
16	Các lô phía trong của khu ao cá xóm Quang	3.000
17	Đường ngang dọc trong Cụm công nghiệp Vực cũ	1.500
B.4	XÃ ĐỒNG VINH CŨ	
1	Khu dân cư 401, Đồng Sâm của Tổ dân phố Đa Sỹ	
1.1	Ngõ 479 đường Trịnh Huy Quang	4.500
1.2	Ngõ 547 đường Trịnh Huy Quang	4.500
2	Đường Tổ dân phố Đa sỹ (2 bên mặt đường) từ nhà ông Trường, ông Thuận đến ngã ba Tổ dân phố Đồng Cao, Tổ dân phố Văn Khê	5.000
3	Ngõ trước Tổ dân phố Đa Sỹ: Từ nhà ông Nhuận, ông Kỳ đến cầu Đa Sỹ sang làng voi phường Quảng Thịnh.	3.000
4	Ngõ giữa Tổ dân phố Đa Sỹ: Từ nhà ông Bình, ông Thuận đến nhà ông Đông, ông Hùng	3.000
5	Từ ngã ba Đa Sỹ đi Tổ dân phố Đồng Cao (đường liên xã đi đến Đồng Quang)	5.000
6	Các đường ngõ xóm Tổ dân phố Đa Sỹ, Tổ dân phố Đồng Cao, Tổ dân phố Văn Khê	1.800
7	Đường Tổ dân phố Văn Khê: Từ ngã ba bà búp đến cầu Tự lực đi đến Bưu điện văn hóa xã, nhà bà Tuyết, ông Anh hai bên mặt đường	4.400
8	Các đường ngõ Tổ dân phố Đa Sỹ, Đồng Cao, Văn Khê	
8.1	Từ nhà ông Đăng đến hết nhà ông Thắng Tổ dân phố Đồng Cao	3.600

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
8.2	Từ Nhà văn hóa đến sân bóng Tổ dân phố Đồng Cao và từ ngã ba bà Quang đến nhà ông Đạt	3.600
8.3	Từ nhà ông Liên đến nhà ông Long Bằng, Tổ dân phố Văn Khê	3.600
8.4	Từ ông Thao đến nhà ông Định, Tổ dân phố Văn Khê	3.600
8.5	Từ nhà ông Liên Dung đến nhà ông Ninh Hân Tổ dân phố Văn Khê	3.600
8.6	Các ngõ còn lại của Tổ dân phố Đa Sỹ, Đồng Cao, Văn Khê	1.800
9	Đường trục chính Tổ dân phố Tam Thọ	3.000
10	Đường trục chính Tổ dân phố Văn Vật	3.000
11	Các đường ngõ còn lại của Tổ dân phố Tam Thọ, Văn Vật	
11.1	Từ đường trục chính Tổ dân phố Tam Thọ (nhà ông Cường) đến ngã ba ông Võ	1.800
11.2	Từ ngã tư cầu Tam Thọ đến sân bóng	1.500
11.3	Từ đường ngõ từ nhà ông Thắng đến ngã ba nhà ông Hùng, Tổ dân phố Văn Vật	1.800
11.4	Từ trạm bơm đến đất nông nghiệp (ông Hùng)	1.800
11.5	Từ ngã ba gốc đa đi Cồn Diêm Tổ dân phố Văn Vật	1.800
11.6	Các đường ngõ xóm còn lại của Tổ dân phố Tam Thọ	1.000
11.7	Các đường ngõ còn lại của Tổ dân phố Văn Vật	1.200
12	Đường Tổ dân phố Văn Khê: Đoạn từ Bưu Điện văn hóa xã Đông Vinh cũ đến nhà ông Luận	3.000
13	Đất bãi khai trường ven núi + Mỏ sét	1.000
14	Đường Tổ dân phố Văn Khê: đoạn từ nhà ông ngọc thủy đến cống nổ (khu vực đồng mã)	2.500
15	Các đường ngõ xóm khu vực đồng mã Tổ dân phố Văn Khê	1.600
16	Đường liên phường: Đoạn từ Quốc lộ 45 đến cống tiêu Cồn Bàn (giáp đất ông Thuận)	5.500
17	Các ngách 11; 27; 14; 20; 22; 24 ngõ 479 đường Trịnh Huy Quang	2.800
18	MBQH số 8195 (KDC Tổ dân phố Đồng Sâm):	
18.1	Các lô bám mặt đường Quốc lộ 45	6.000
18.2	Đường nội, lòng đường 7,5	5.500
18.3	Đường nội, lòng đường 5,5	5.000
19	Ngõ 530 Trịnh Huy Quang (đường vào khu công nghiệp núi Vực)	3.500
20	Tuyến đường từ đường liên phường (hộ ông Dục) đến hộ ông Quế Tổ dân phố Văn Ba	2.000
21	Tuyến đường từ đường liên phường (hộ ông Dũng) đến kênh B20 Tổ dân phố 2 Thịnh Trị	3.000
22	Tuyến đường từ đường liên phường (hộ ông Cháp) đi khu công nghiệp núi Vực khu vực Đồng Sầy Tổ dân phố 1 Thịnh Trị	2.000
23	Tuyến đường từ đường liên phường từ hộ ông Cương đi ông Cường khu vực Đồng Sầy Tổ dân phố 1 Thịnh Trị	2.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
24	Đường từ vành đai phía Tây đi Tổ dân phố Tân Chính (địa phận xã Đông Nam cũ)	6.500
25	MBQH 2267, ngày 21/7/2021 Tổ dân phố 1, 2, 3 Thịnh Trị khu A, B, C (các lô đất bám mặt đường từ đường vành đai phía Tây đi Tổ dân phố Tân Chính (xã Đông Nam cũ)	
25.1	Các lô giáp mặt đường Vành đai phía Tây đi Tổ dân phố Mai Chử (xã Đông Nam cũ)	8.000
25.2	Các lô tiếp giáp đường nội bộ mặt bằng	6.000
26	Đường trục chính Tổ dân phố 1, 2, 3 Thịnh Trị, Văn Ba	2.000
27	MBQH số 768 ngày 27/3/2019 khu đồng Bần Tổ dân phố Văn Ba	4.000
28	MBQH số 7546/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 điểm dân cư Tổ dân phố Văn Ba	4.500
29	Đường liên phường từ giáp Tổ dân phố Đồng Cao (Đông Vĩnh cũ) - ngã ba Duy Tân	4.500
30	Đường liên phường từ ngã ba Duy Tân - Giáp Tổ dân phố Phú Bình (xã Đông Phú cũ)	4.500
31	Đường trục Tổ dân phố Minh Thành, 1 Đức Thắng	2.000
32	Đường ngõ, đường nhánh của các tổ dân phố	1.000
33	Đường liên Tổ dân phố Văn Ba, 1 Đức Thắng, Thịnh Trị 1, Thịnh Trị 2, Thịnh Trị 3	2.500
34	Từ Giếng Quan đến giáp Tổ dân phố Thành Vinh (xã Đông Nam cũ)	4.500
35	Đường vành đai phía Tây	9.500
36	MBQH số 2063 Đồng Ròn	4.500
37	MBQH Đồng đa giác Tổ dân phố 1 Đức Thắng	5.000
38	MBQH đồng Rọc Chạm Tổ dân phố Văn Ba	4.500
39	Các thửa đất thuộc MBQH số 18 ngày 20/12/2003 tiếp giáp đường nội bộ MBQH thịnh Trị 1,2,3	5.000
40	Tuyến đường từ cổng đồng Nga đi Ngã 3 Hoa Chung	5.000
41	Tuyến đường từ Công Làng Tổ dân phố Văn Ba đến Ngã 3 hộ ông Khỏe	5.000
B.5	XÃ ĐÔNG YÊN CŨ	
1	Đường nối Quốc lộ 47 (phường Đông Sơn) đi xã Quảng Yên	6.500
2	Đường Kênh Cầu Ê - Trường Tuế	2.500
3	MBQH số 2250 ngày 15/7/2024 điểm xen cư nông Tổ dân phố Đường liên phường.	
3.1	Đường có chiều rộng lòng đường 16 m (đường liên phường)	6.000
3.2	Đường có chiều rộng lòng đường $\geq 7,5$ m	5.000
3.3	Đường có chiều rộng lòng đường 5,5 m	4.000
4	MBQH số 2251 ngày 15/7/2024 Điểm dân cư Tổ dân phố Yên Cẩm 2	
4.1	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5 m	5.000
4.2	Đường có chiều rộng lòng đường 7,5 m	4.500

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
5	Đường liên phường đi phường Đông Sơn, phường Đông Quang	3.500
6	Đường liên Tổ dân phố Yên Doãn 1, Yên Doãn 2, Yên Cẩm 1, Yên Cẩm 2, Yên Trường, Yên Bằng, Yên Thành	2.000
7	Đường ngõ xóm còn lại tổ dân phố : Yên Doãn 1, Yên Doãn 2, Yên Cẩm 1, Yên Cẩm 2, Yên Trường, Yên Bằng, Yên Thành	1.000
8	Đường từ Trung tâm phường Hạc Thành - đi đường nối Nghi Sơn Cảng hàng không Thọ Xuân	9.500
9	MBQH 1397 các lô còn lại	3.500
10	MBQH 1397 các lô giáp đường Tỉnh lộ 517	5.500
11	MBQH 837	5.500
12	MBQH 3075	3.000
13	MBQH Khu dân cư sau sân bóng Tổ dân phố Yên Doãn 2	3.000
14	MBQH 4918	
14.1	MBQH 4918 các lô bám đường liên phường	4.000
14.2	MBQH 4918 các lô còn lại không bám đường liên phường	3.000
15	Các điểm xen cư của các Tổ dân phố Yên Doãn 1, Doãn 2, Cẩm 1, Cẩm 2, Trường, Bằng, Thành	1.000
16	Các lô đất bám đường Tỉnh lộ 517 thuộc các MBQH	5.500
17	MBQH 8496 các lô còn lại không bám Tỉnh lộ 517	3.000
18	MBQH 535	
19	MBQH 535 các lô bám đường liên phường	4.000
20	MBQH 535 các lô còn lại không bám đường liên phường	3.000
21	Đường trục chính Tổ dân phố Yên Doãn 1, Yên Doãn 2, Yên Cẩm 1, Yên Cẩm 2, Yên Trường, Yên Bằng, Yên Thành	2.000
B.6	XÃ ĐÔNG VĂN CỬ	
1	MBQH số 3086/QĐ - UBND ngày 30/9/2019 các tuyến đường nội bộ mặt bằng	5.000
2	MBQH số 4046/QĐ - UBND ngày 23/10/2019	
2.1	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 đi Quảng Yên, từ giáp Đông Yên, Đông Văn	6.000
2.2	Các tuyến nội bộ còn lại	5.000
3	MBQH số 3554/QĐ - UBND ngày 16/10/2020 các tuyến đường nội bộ mặt bằng	5.000
4	MBQH số 3178/QĐ - UBND ngày 09/10/2023 (Văn Bắc)	
4.1	Các lô đất tiếp giáp đường chính MBQH (tại các tuyến đường 517 đi Quảng Yên)	6.000
4.2	Các lô tiếp giáp đường có chiều rộng lòng đường 10,5m	5.500
4.3	Các tuyến đường nội bộ còn lại của mặt bằng	5.000
5	MBQH số 1272	
5.1	Các lô tiếp giáp đường chính MBQH	5.000
5.2	Các lô còn lại đường nội bộ MBQH	4.500
6	Đường 517 đi Quảng Yên	6.000
7	Các tuyến đường liên Tổ dân phố Văn Bắc, Văn Nam, Văn Thắng, Văn Chung, Văn Thịnh, Văn Châu	3.500
8	Đường Tổ dân phố Văn Bắc (từ nhà ông Sử Lê đến nhà ông Chính Kiệm)	3.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
9	Đường Tổ dân phố Văn Nam (từ Cồn Tre đến Nhà văn hóa Tổ dân phố Văn Thắng)	3.000
10	MBQH số 510/QĐ ngày 25/02/2022	
10.1	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5m	5.500
10.2	Đường có chiều rộng lòng đường 7,5m	5.000
11	Đường Tổ dân phố Văn Nam từ nhà ông Chính đến nhà bà Dung Thao	3.500
12	Các tuyến đường gom từ trung tâm phường Hạc Thành đi Cảng Hàng không Thọ Xuân từ Tổ dân phố Văn Thịnh, Văn Bắc, Văn Đoài, Văn Trung	3.500
13	Đường Liên phường đi Đông Yên cũ đến Đông Phú cũ, phường An Hoạch cũ	4.500
14	Các tuyến đường trục Tổ dân phố Văn Bắc, Văn Nam, Văn Thắng, Văn Trung, Văn Thịnh, Văn Châu, Văn Đoài	3.000
15	Các đường ngõ còn lại của tất cả các tổ dân phố	1.500
16	Đường vành đai phía Tây Thanh Hóa	9.500
17	Đường từ Trung tâm Phường Hạc Thành - đi đường nối Nghi Sơn Cảng hàng không Thọ Xuân	9.500
18	MBQH 630 lô 2, 3	3.000
19	MBQH số 935	3.000
20	MBQH số 830 lô 2, 3	3.000
21	MBQH số 3418	
21.1	MBQH số 3418 tại các tuyến đường 10,5m	5.500
21.2	MBQH số 3418 tại các lô còn lại	5.000
22	Tuyến đường từ Ngã 3 Tổ dân phố Văn Bắc từ hộ ông Thiệu Văn Sử đến nhà ông Trần Đình Dũng	4.000
23	MBQH 2247 ngày 20/7/2021	5.000
B.7	XÃ ĐÔNG NAM CŨ	
1	Đường giao thông từ Tổ dân phố Tân Chính phường Đông Quang đến đường vành đai phía Tây	6.500
2	MBQH số 4177 + 7543 Tổ dân phố Mai Chũ	
2.1	Đường trục chính có chiều rộng lòng đường 15m	6.500
2.2	Đường trục chính có chiều rộng lòng đường 11,5m	5.000
2.3	Đường trục chính có chiều rộng lòng đường 7,5m	4.000
3	MBQH số 541 ngày 07/02/2024 Tổ dân phố Hạnh Phúc Đoàn Giai đoạn II	
3.1	Đường trục chính có chiều rộng lòng đường 7,5m	4.500
3.2	MBQH 3078	5.000
3.3	MBQH 3079	5.000
4	Đường liên phường từ Tổ dân phố Phú Bình đi đường sắt	4.500
5	Đường liên phường từ đường sắt cầu lằng	4.500
6	Từ nhà ông Nguyễn đi cầu Mơ Tổ dân phố Mai Chũ; đường xã từ ông Loan Tổ dân phố Phú Yên; đường xã từ ngã 3 Tổ dân phố Thành Vinh đi ông Trọng Tổ dân phố Hạnh phúc Đoàn	2.500
7	Đường liên phường đi cầu ông Lũy Tổ dân phố Thành Vinh, Đường liên phường từ nhà ông Toàn đi Nhà Hoàn Oanh Tổ dân phố Mai Chũ	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
8	Các đường tổ dân phố, Thành Vinh, Tân Chính, Hạnh Phúc Đoàn, Sơn Lương, Phú Yên, Mai Chử	2.000
9	Các Ngõ xóm, Thành Vinh, Tân Chính, Hạnh Phúc Đoàn, Sơn Lương, Phú Yên, Tổ dân phố Mai Chử	1.000
10	Đường liên phường đi nhà ông Tám Tổ dân phố Hạnh Phúc Đoàn đi đường nối bãi rác Tổ dân phố Sơn Lương	2.500
11	MBQH 933/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	5.000
12	Các lô đất MBQH 827 bám trục đường đôi Hạnh Phúc Đoàn	5.000
13	Từ Sân thể thao Tổ dân phố Thành Vinh đến cổng Trảng Tổ dân phố Thành Vinh	3.000
14	Từ Nhà ông Đính Lợi đến đường Tàu 101 cũ Tổ dân phố Thành Vinh	3.000
B.8	XÃ ĐÔNG PHÚ CŨ	
1	Đường liên phường từ cổng trào Đông Phú đi Đông Nam, Đông Quang	4.500
2	Đường Tổ dân phố Phú Bình, Hoàng Thịnh, Hoàng Văn, Chiếu Thượng	
2.1	Đường liên Tổ dân phố Phú Bình, Hoàng Thịnh, Hoàng Văn, Chiếu Thượng	3.000
2.2	Các đường trục chính Tổ dân phố các Tổ dân phố Phú Bình, Hoàng Thịnh, Hoàng Văn, Chiếu Thượng	2.500
3	Các đường ngõ còn lại Tổ dân phố Phú Bình, Hoàng Thịnh, Hoàng Văn, Chiếu Thượng	1.000
4	Cụm nghề xã Đông Phú	1.500
5	Đường liên phường từ tỉnh lộ 517 đi Quảng Yên đoạn qua xã Đông Phú (từ giáp xã Đông Văn đến giáp đường xã Đông Nam đi Đông Quang)	6.000
6	MBQH số 3080 phê duyệt ngày 24/7/20020 (Tổ dân phố Hoàng Văn)	3.000
7	MBQH số 9531 phê duyệt ngày 09/12/2021 (xen cư công sở Tổ dân phố Chiếu Thượng)	4.000
8	MBQH 2248	
8.1	Đường có lòng đường rộng 10.5m	6.000
8.2	Đường còn lại nội bộ mặt bằng	4.000
9	MB 4919	4.500
10	Đường liên Tổ dân phố từ đường liên phường đi núi Hoàng Nghiêu	5.000
C	CÁC MBQH PHỤC VỤ ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC BẮC NAM	
1	MBQH khu dân cư Tây Nam đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam	
1.1	Các lô lòng đường 517 đi Quảng Yên	9.500
1.2	Các lô lòng đường 16m	8.500
1.3	Các lô lòng đường 12m	7.500
1.4	Các lô lòng đường 10,5m	7.000
1.5	Các lô lòng đường 7,5m	6.500
1.6	Các lô biệt thự	
1.6.1	Các lô biệt thự đối diện hồ điều hòa	7.500